

PHỤ LỤC SỐ 29

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỢT PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/2025/BC-TTCBH

Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025

BÁO CÁO

Kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

I. Giới thiệu về Tổ chức phát hành

- Tên Tổ chức phát hành: **CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA**
- Tên viết tắt: TTC-BH
- Địa chỉ trụ sở chính: Ấp Tân Lợi, Xã Tân Phú, tỉnh Tây Ninh
- Số điện thoại: 02763 757 250 Fax: 02763 839 834
Website: <https://ttcagris.com.vn/>
- Vốn điều lệ: 8.361.563.710.000 đồng.
- Mã cổ phiếu: SBT
- Nơi mở tài khoản thanh toán: Ngân Hàng TNHH Một thành viên United Overseas Bank (Việt Nam) - Chi nhánh TP.HCM
Số hiệu tài khoản: 105-307-939-9
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/07/1995, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 15/10/2025.
- Giấy phép thành lập và hoạt động (nếu có theo quy định của pháp luật chuyên ngành):
Không

II. Phương án phát hành

- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu trước thời điểm phát hành:
 - Tổng số cổ phiếu đã phát hành : **836.156.371** cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **836.156.371** cổ phiếu.
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành: 40.727.251 cổ phiếu, tương ứng 4,87% tổng số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng:



- 50% số lượng cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 12 tháng kể từ ngày kết thúc phát hành; và
 - 50% số lượng cổ phiếu ESOP bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 24 tháng kể từ ngày kết thúc phát hành.
6. Giá phát hành (*trường hợp bán cổ phiếu cho người lao động*): 10.000 đồng/cổ phiếu.
 7. Nguồn vốn phát hành (*trường hợp phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động*): Không áp dụng
 8. Ngày kết thúc đợt phát hành: 20/10/2025
 9. Ngày dự kiến chuyển giao cổ phiếu: Tháng 11/2025

III. Kết quả phát hành cổ phiếu

1. Số cổ phiếu đã phân phối: 40.567.551 cổ phiếu, tương ứng 99,61% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành.
2. Số người lao động được phân phối: 890 người
3. Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 20/10/2025): 876.723.922 cổ phiếu, trong đó:
 - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 876.723.922 cổ phiếu;
 - Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu.

IV. Tài liệu gửi kèm

1. Danh sách cán bộ công nhân viên được tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty.
2. Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc thông qua báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
3. Công văn xác nhận số dư tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.

Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA
(Người đại diện theo pháp luật)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CHỦ TỊCH HĐQT



ĐẶNG HUỲNH ỨC MY

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH LỰA CHỌN CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tên tổ chức phát hành: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

Mã chứng khoán: SBT

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Ngày kết thúc phát hành: 20/10/2025

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
1	Đặng Huỳnh Ước Mỹ	Chủ tịch HĐQT	-	2.505.800	-	2.505.800
2	Huỳnh Bích Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị	-	2.005.800	-	2.005.800
3	Trần Tấn Việt	Thành viên Hội đồng quản trị	32.000	505.800	-	537.800
4	Trần Trọng Gia Vinh	Thành viên Hội đồng quản trị- Độc lập	-	505.800	-	505.800
5	Lê Quang Phúc	Thành viên Hội đồng quản trị- Độc lập	-	505.800	-	505.800
6	Hoàng Mạnh Tiến	Chủ tịch ủy ban Quản trị rủi ro	-	207.251	-	207.251
7	Huỳnh Văn Pháp	Phó Tổng giám đốc	174.000	405.800	-	579.800
8	Nguyễn Thị Phương Thảo	Phó Tổng giám đốc	350.000	405.800	-	755.800
9	Đào Duy Thi	Giám đốc	42.000	-	-	42.000
10	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Giám đốc Mua hàng	54.000	-	-	54.000
11	Trần Phi Nga	Trưởng Phòng R&D sugar	21.000	-	-	21.000
12	Nguyễn Chí Thắng	Trưởng phòng Vận hành số hóa	23.000	200.000	200.000	423.000
13	Nguyễn Liên Hoa	Chuyên viên Kiểm toán nội bộ	8.000	-	-	8.000
14	Trương Văn Nam	Phó phòng Quản trị hành chính	18.000	200.000	-	218.000
15	Lê Văn Lực	Chuyên viên quản lý rủi ro	12.000	-	-	12.000
16	Đinh Ngọc Anh	Trưởng Bộ Phần Quản lý master data, chi phí và quy trình	8.000	-	-	8.000
17	Huỳnh Thành Nhân	Trưởng phòng	30.000	200.000	200.000	430.000
18	Nguyễn Thành Khiêm	Giám đốc Đường và Nguyên liệu Sinh học	48.000	-	-	48.000
19	Trần Thanh Bình	Trưởng Quản lý hệ thống Center	36.000	200.000	200.000	436.000
20	Đỗ Trọng Nhân	Chuyên viên E&S	11.000	-	-	11.000
21	Bùi Thị Hồng Ván	TBP Hệ thống phát triển bền vững	15.000	-	-	15.000
22	Lê Minh Nhật	Trưởng Quản lý hệ thống Center	36.000	200.000	200.000	436.000
23	Ngô Minh Nhut	Phó Giám đốc Đầu tư	37.000	-	-	37.000
24	Nguyễn Mậu Hiếu	Chuyên viên cấp trung	11.000	-	-	11.000
25	Võ Trần Hồng Hoa	Trợ lý chủ tịch	22.000	-	-	22.000
26	Phạm Trung Phan Xuân Quang	Giám đốc quản lý hệ thống	78.000	200.000	200.000	478.000
27	Phạm Thị Trường Thư	Chuyên viên Tổng hợp	9.000	-	-	9.000
28	Nguyễn Thanh Phương	Giám đốc Quản lý rủi ro, Quy trình & Tuân thủ	60.000	-	200.000	260.000
29	Võ Hoàng Nga	Giám đốc E&S	36.000	-	-	36.000
30	Đinh Thị Ngọc Thảo	Giám đốc Nguồn vốn	75.000	200.000	200.000	475.000
31	Nguyễn Hoàng Thiên Hương	Chuyên viên Kế hoạch	25.000	100.000	100.000	225.000
32	Huỳnh Bửu Châu	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
33	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Chuyên viên Quan hệ Nhà đầu tư	12.000	-	-	12.000
34	Hồ Thị Hải Yến	Trưởng bộ phận	11.000	-	-	11.000
35	Phạm Đăng Ngọc Duy	Chuyên gia	12.000	-	-	12.000
36	Võ Anh Vũ	Trưởng phòng Kho vận	42.000	-	-	42.000
37	Thái Văn Chuyển	Tổng Giám đốc	222.000	455.800	-	677.800
38	Lê Thanh Hiệp	Trưởng bộ phận	21.000	-	-	21.000
39	Đỗ Ngọc Thiện	Chuyên viên thanh tra tuân thủ	5.000	-	-	5.000
40	Nguyễn Phi Hùng	Trưởng Quản lý hệ thống Center	19.000	-	-	19.000
41	Lê Hồng Mỹ Trang	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
42	Vũ Thị Tuyết Nhung	Chuyên viên nhân sự	15.000	-	-	15.000
43	Ngô Thị Thủy Hồng	Chuyên viên pháp lý đầu tư	12.000	-	-	12.000
44	Phạm Quyết Thắng	Trưởng phòng Hoạch định và Thu hút Nhân tài	78.000	-	-	78.000
45	Nguyễn Minh Nghĩa	Chuyên viên Vận hành hệ thống	8.000	-	-	8.000
46	Nguyễn Thị Ngọc Liên	Chuyên viên	12.000	-	-	12.000
47	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Chuyên viên nhân sự	5.000	-	-	5.000
48	Vũ Thị Lê Giang	Giám đốc Quan hệ Nhà đầu tư	100.000	200.000	200.000	500.000
49	Bùi Ngọc Trúc Anh	Trưởng phòng Quan hệ đối ngoại	27.000	200.000	200.000	427.000
50	Nguyễn Thị Hồng Lam	Trưởng bộ phận quản lý hệ thống	14.000	-	-	14.000
51	Phùng Lâm Sơn	Chuyên viên	20.000	-	-	20.000
52	Hoàng Trần Đức Ân	Chuyên viên Vận hành hệ thống	6.000	-	-	6.000
53	Trịnh Thị Linh Phi	Trưởng Bộ phận Vận hành hệ thống	11.000	-	-	11.000
54	Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	350.000	405.800	-	755.800
55	Nguyễn Minh Ngân	TRƯỞNG PHÒNG	60.000	200.000	200.000	460.000
56	Phạm Trà Thảo Uyên	Chuyên viên Vận hành hệ thống	12.000	-	-	12.000
57	Châu Kim Yến	Trợ lý cấp cao phó chủ tịch HĐQT	150.000	500.000	-	650.000
58	Nguyễn Thị Hồng Phấn	Giám đốc	100.000	200.000	200.000	500.000
59	Chung Ngọc Hân	Nhân viên phân tích dữ liệu	5.000	-	-	5.000
60	Đào Anh Đăng	Chuyên Viên Cấp Trung	42.000	200.000	200.000	442.000
61	Ngô Thị Thủy	Chuyên viên Kế toán	9.000	-	-	9.000
62	Hồ Nguyễn Quý Nga	Chuyên viên	6.000	-	-	6.000
63	Võ Văn Bảo	Trưởng Quản lý hệ thống Center	27.000	-	-	27.000
64	Nguyễn Minh Cường	Chuyên viên quản lý rủi ro, quy trình và tuân thủ	6.000	-	-	6.000
65	Phạm Thị Thanh Liêm	Trưởng bộ phận	6.000	-	-	6.000
66	Hồ Đình Ván	Chuyên viên Tài chính Kế hoạch	12.000	-	-	12.000
67	Huỳnh Hoàng Trung	Chuyên viên pháp lý đầu tư	15.000	-	-	15.000
68	Nguyễn Tuấn Văn	Chuyên viên Đầu tư	9.000	-	-	9.000
69	Hồ Bảo Phương	Phó giám đốc khối tài chính	75.000	200.000	200.000	475.000
70	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	Trưởng Phòng Quản lý rủi ro	27.000	-	200.000	227.000
71	Bùi Thị Bích Ngọc	Trưởng phòng	50.000	200.000	200.000	450.000
72	Lê Thị Kim Hồng	Trợ lý Chủ tịch HĐQT	27.000	200.000	200.000	427.000
73	Mai Đông Nhi	Chuyên viên Quản lý rủi ro	18.000	-	-	18.000
74	Đoàn Thị Kiều	Kế toán tổng hợp	18.000	100.000	100.000	218.000
75	Sư Chấn Cao Chính	TBP Pháp chế	21.000	100.000	150.000	271.000
76	Phan Khánh Huy	Trưởng Bộ Phần Quản lý ngân hàng	18.000	-	-	18.000
77	Cao Thị Thủy Cúc	Chuyên viên vận hành hệ thống	40.000	-	-	40.000
78	Nguyễn Thị Thanh Quyên	Chuyên viên Hoạch định và Thu hút nhân tài	6.000	-	-	6.000
79	Phạm Thị Cẩm Tú	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
80	Nguyễn Thị Bích Ngọc	CHUYÊN VIÊN NGUỒN VỐN	18.000	-	150.000	168.000
81	Đặng Thị Diễm Trinh	Kế toán trưởng	57.000	200.000	-	257.000



STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
82	Nguyễn Thị Bảo Trâm	Nhân viên kỹ thuật dữ liệu	600	-	-	600
83	Huỳnh Thị Thanh Vân	Chuyên viên pháp chế	13.000	-	100.000	113.000
84	Huỳnh Ngọc Sinh	Phó Tổng Giám đốc Thường trực ProC	105.000	200.000	200.000	505.000
85	Ngô Thanh Tuyền	Trưởng phòng Kế hoạch Điều Độ	70.000	-	-	70.000
86	Hoàng Dũng	Chuyên viên QLR, QT & Tuân thủ	9.000	-	-	9.000
87	Đỗ Bá Quang	Trưởng bộ phận quản lý vận tải	11.000	-	-	11.000
88	Đinh Vũ Quốc Huy	Trưởng ban thư ký công ty và quan hệ cổ đông	90.000	200.000	-	290.000
89	Lê Trần Thủy Dương	Trưởng phòng Truyền thông nội bộ	60.000	200.000	200.000	460.000
90	Võ Quốc Huy	Chuyên viên Quản trị hành chính	6.000	-	-	6.000
91	Trần Đình Cường	Tổng Giám đốc	90.000	305.800	-	395.800
92	Phạm Hồng Dương	Phó chủ tịch HĐQT	-	105.800	-	105.800
93	Võ Công Minh	Phó Giám đốc Công ty	54.000	-	-	54.000
94	Nguyễn Lê Uyên Phương	Nhân viên Nhân sự	6.000	-	-	6.000
95	Đặng Vũ Chu Hi	Trưởng phòng vận hành	12.000	-	-	12.000
96	Nguyễn Thị Hồng Lam	Thư ký	8.000	-	-	8.000
97	Lê Thị Mỹ Phương	Nhân viên điều vận	5.000	-	-	5.000
98	Nguyễn Hồng Thái	Nhân viên Mua hàng	5.000	-	-	5.000
99	Đinh Thị Mỹ Hạnh	Bếp chính	2.000	-	-	2.000
100	Lâm Văn Nhớ	Trưởng ca bảo vệ	5.000	-	-	5.000
101	Phạm Đình Hào	Trưởng ca bảo vệ	3.000	-	-	3.000
102	Nguyễn Thị Hương Thủy	Kế toán trưởng	12.000	-	-	12.000
103	Hồ Thị Thái Chân	Nhân viên kế toán	5.000	-	-	5.000
104	Lê Vinh Thắng	Trưởng phòng phát triển Nguyên liệu	12.000	-	-	12.000
105	Nguyễn Thanh Tuấn	Trưởng Bộ phận Nguyên liệu	6.000	-	-	6.000
106	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	Nhân viên công nợ - tài sản thế chấp	8.000	-	-	8.000
107	Nguyễn Đức Nhơn	Nhân viên nông vụ	3.000	-	-	3.000
108	Nguyễn Trần Cương	Trưởng trạm nông vụ	6.000	-	-	6.000
109	Nguyễn Bảo Hoàng	Nhân viên nông vụ	5.000	-	-	5.000
110	Nguyễn Minh Hiền	Trưởng trạm Nông vụ	6.000	-	-	6.000
111	Nguyễn Ngọc Lâm	Trưởng trạm nông vụ	4.000	-	-	4.000
112	Nguyễn Minh Nhật	Nhân viên Nông vụ	3.000	-	-	3.000
113	Nguyễn Thị Diễm Hương	Trưởng bộ phận QHSE	9.000	-	-	9.000
114	Trần Thành Mộng Trúc	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	3.000	-	-	3.000
115	Nguyễn Thị Thủy Vân	Nhân viên Kiểm nghiệm	4.000	-	-	4.000
116	Lê Thị Cẩm Hà	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	8.000	-	-	8.000
117	Võ Tuấn Kiệt	Quản đốc Phân xưởng sản xuất	9.000	-	-	9.000
118	Ngô Văn Biền	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất	7.000	-	-	7.000
119	Trần Huỳnh Thanh Bình	Trưởng bộ phận bảo trì cơ khí	8.000	-	-	8.000
120	Nguyễn Thị Thảo	Nhân viên tổng hợp Sản xuất	5.000	-	-	5.000
121	Hoàng Văn Hùng	Nhân viên bảo trì cơ khí	3.000	-	-	3.000
122	Phan Trọng Tri	Tổ phó Bảo trì cơ khí	6.000	-	-	6.000
123	Nguyễn Lê Quốc Thịnh	Tổ trưởng Hóa chế, Gia nhiệt & Bốc hơi	3.000	-	-	3.000
124	Nguyễn Đặng Hải	Tổ trưởng đóng bao	3.000	-	-	3.000
125	Nguyễn Văn Dân Long	Tổ trưởng Sản mĩa	3.000	-	-	3.000
126	Phan Phùng Nguyễn Quốc	Nhân viên vận hành Lò hơi	3.000	-	-	3.000
127	Đào Duy Đức	Tổ trưởng điện	5.000	-	-	5.000
128	Nguyễn Văn Hiền	Kỹ sư điện	3.000	-	-	3.000
129	Phan Trọng Hoài	Tổ trưởng che ép	3.000	-	-	3.000
130	Trương Trung Minh	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	3.000	-	-	3.000
131	Trần Hoàng Thái	Trưởng phòng E&S	20.000	-	-	20.000
132	Trần Thị Phương Linh	Chuyên viên Phát triển bền vững	9.000	-	-	9.000
133	Đỗ Thu Toán	Chuyên viên Kế hoạch	9.000	-	-	9.000
134	Lê Quang Lợi	Trưởng phòng Kỹ thuật công nghệ	30.000	-	-	30.000
135	Lâm Nhựt An	Phó phòng Kỹ thuật công nghệ	24.000	-	-	24.000
136	Võ Nguyễn Hân	Chuyên viên cấp trung	30.000	-	-	30.000
137	Trần Minh Hùng Dũng	Chuyên viên cấp trung	15.000	-	-	15.000
138	Bùi Thanh Nghi	Chuyên viên cấp trung	35.000	-	-	35.000
139	Phạm Tuấn Kiệt	Chuyên viên Nhiệt điện	15.000	-	-	15.000
140	Nguyễn Bích Ngọc	Chuyên viên Quản lý phát triển DigiFactory	9.000	-	-	9.000
141	Phạm Vũ Sơn Thuận	Trưởng phòng Kỹ thuật dự án	30.000	-	-	30.000
142	Phan Danh	Chuyên viên Cơ khí	8.000	-	-	8.000
143	Vũ Văn Thắng	Chuyên viên Xây dựng	15.000	-	-	15.000
144	Nguyễn Minh Đạt	Chuyên viên Quản lý Dự án	15.000	-	-	15.000
145	Nguyễn Thị Thủy Dương	Trưởng Bộ phận Kho vận	20.000	100.000	-	120.000
146	Nguyễn Đình Thọ	Trưởng Phòng Mua hàng	21.000	-	-	21.000
147	Dương Thị Anh Đào	Trưởng Bộ phận Quản lý ngành hàng	15.000	-	-	15.000
148	Trần Thị Thương	Trưởng Bộ phận Quản lý ngành hàng	12.000	-	-	12.000
149	Nguyễn Công Duy	Trưởng phòng Nghiên cứu Phát triển	16.000	-	-	16.000
150	Nguyễn Thị Diệu My	Chuyên viên cải tiến công nghệ	12.000	-	-	12.000
151	Nguyễn Hồng Phúc	Trưởng phòng Nguồn vốn	21.000	200.000	-	221.000
152	Nguyễn Thị Trang	Trưởng phòng Nhân sự	35.000	-	-	35.000
153	Cao Hà Thu Thủy	Trưởng bộ phận Nhân sự	20.000	-	-	20.000
154	Nguyễn Huỳnh Bảo Long	Chuyên viên Nhân sự	5.000	-	-	5.000
155	Phan Thị Thu	Trưởng phòng QMS	30.000	-	-	30.000
156	Nguyễn Thị Minh Thư	Chuyên viên QMS	15.000	-	-	15.000
157	Phạm Tuấn Anh	Chuyên viên QA	9.000	-	-	9.000
158	Nguyễn Thọ Dũng	Chuyên viên QA	9.000	-	-	9.000
159	Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng Phòng Quản trị hành chính	30.000	200.000	-	230.000
160	Đỗ Thị Tuyết My	Thư ký	20.000	-	-	20.000
161	Nguyễn Thị Anh Đào	Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch	21.000	200.000	-	221.000
162	Bùi Công Tuấn	Chuyên viên Nhân sự	9.000	-	-	9.000
163	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Giám đốc Nhà máy TTCS	108.000	200.000	-	308.000
164	Nguyễn Hữu Anh Tuấn	Trưởng Bộ phận Kho vật tư	20.000	-	-	20.000
165	Lê Công Thành B	Thu kho Thành phẩm	6.000	-	-	6.000
166	Mai Thị Thanh Nam	Chuyên viên Mua hàng	6.000	-	-	6.000
167	Trần Võ Hoàng Anh	Nhân viên Mua hàng	6.000	-	-	6.000
168	Trần Hoàng Mỹ	Chuyên viên Hành chính quản trị	10.000	-	-	10.000
169	Lê Minh Thừa	Chuyên viên Hành chính quản trị	10.000	-	-	10.000
170	Đỗ Thị Sơn	Bếp chính	14.000	-	-	14.000
171	Nguyễn Trọng Chiến	Chuyên viên Kế toán	12.000	-	-	12.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
172	Nguyễn Thị Huyền Trinh	Chuyên viên Tài chính	9.000	-	-	9.000
173	Lê Thị Anh Đào	Trưởng phòng QMS	13.000	-	-	13.000
174	Trần Kim Liên	Trưởng Bộ phận QHSE	20.000	-	-	20.000
175	Ngô Văn Bình	Trưởng Bộ phận Chữ đường-Tap chất	15.000	-	-	15.000
176	Nguyễn Thị Minh Triết	Trưởng Bộ phận QC	12.000	-	-	12.000
177	Tổng Thái Bình	Nhân viên vận hành lò hơi turbine máy phát điện	12.000	-	-	12.000
178	Nguyễn Thái Tài	Phó Quản đốc Phân xưởng Bảo trì	21.000	-	-	21.000
179	Nguyễn Duy Khanh	Chuyên viên Cơ khí	15.000	-	-	15.000
180	Nguyễn Thanh Tuyền	Chuyên viên Cơ khí	6.000	-	-	6.000
181	Phạm Văn Ni	Trưởng Bộ phận Cơ khí	20.000	-	-	20.000
182	Nguyễn Hoàng Nhựt	Trưởng Bộ phận Tự động	15.000	-	-	15.000
183	Nguyễn Tấn Cường	Kỹ thuật viên bảo trì tự động	12.000	-	-	12.000
184	Trần Thanh Thương	Kỹ thuật viên bảo trì tự động	6.000	-	-	6.000
185	Võ Văn Khang	Nhân viên Bảo trì tự động	12.000	-	-	12.000
186	Bùi Thế Vinh	Nhân viên Bảo trì tự động	5.000	-	-	5.000
187	Nguyễn Quốc Vũ	Tổ trưởng Bảo trì điện	6.000	-	-	6.000
188	Nguyễn Hữu Tài	Trưởng Bộ phận Điện	15.000	-	-	15.000
189	Phạm Thế Mỹ	Kỹ thuật viên Bảo trì điện	15.000	-	-	15.000
190	Từ Xuân Kiệt	Kỹ thuật viên Bảo trì điện	4.000	-	-	4.000
191	Phạm Văn Tây	Kỹ thuật viên Bảo trì điện	4.000	-	-	4.000
192	Võ Thanh Hùng	Trưởng phiên vận hành trạm điện	6.000	-	-	6.000
193	Đinh Thành Nam	Trưởng phiên vận hành trạm điện	9.000	-	-	9.000
194	Võ Quốc Trí	Phó Giám đốc Nhà máy TTCS	18.000	-	-	18.000
195	Nguyễn Hữu Duyên	Quản đốc Phân xưởng Sản xuất	24.000	-	-	24.000
196	Nguyễn Văn Dũng	Phó Quản đốc Phân xưởng Sản xuất	18.000	-	-	18.000
197	Trần Thanh Tâm	Trưởng Bộ phận Kỹ thuật Công nghệ	12.000	-	-	12.000
198	Lê Trung Toàn	Kỹ thuật viên Công nghệ	10.000	-	-	10.000
199	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Chuyên viên tổng hợp	10.000	-	-	10.000
200	Nguyễn Văn Tùng	Trưởng ca sản xuất	20.000	-	-	20.000
201	Nguyễn Thanh Liêm	Trưởng ca sản xuất	12.000	-	-	12.000
202	Trần Trung Trực	Trưởng ca sản xuất	8.000	-	-	8.000
203	Quách Thành Tâm	Phó ca sản xuất	15.000	-	-	15.000
204	Nguyễn Văn Minh	Phó ca sản xuất	6.000	-	-	6.000
205	Nguyễn Lê Vinh	Phó ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
206	Trần Hoàng Ân	Tổ trưởng đóng bao	6.000	-	-	6.000
207	Nguyễn Hùng Phương	Nhân viên vận hành hóa chế luyện và làm áp	6.000	-	-	6.000
208	Nguyễn Chí Thắm	Tổ trưởng khu trích ly	15.000	-	-	15.000
209	Đỗ Xuân Hường	Nhân viên vận hành Ly tâm B & C	6.000	-	-	6.000
210	Nguyễn Hữu Thái	Nhân viên Nấu giống	6.000	-	-	6.000
211	Lê Hoàng Long	Nhân viên vận hành Nấu A	10.000	-	-	10.000
212	Huỳnh Tấn Tài	Nhân viên vận hành Nấu A	6.000	-	-	6.000
213	Dương Quốc An	Nhân viên vận hành Nấu B & C	10.000	-	-	10.000
214	Võ Hữu Dũng	Nhân viên điều khiển phía sau	12.000	-	-	12.000
215	Đinh Trung Tuấn	Nhân viên điều khiển phía sau	10.000	-	-	10.000
216	Lê Văn Diệu	Nhân viên điều khiển phía sau	10.000	-	-	10.000
217	Ngô Hoài Châu	Nhân viên điều khiển phía trước	7.000	-	-	7.000
218	Nguyễn Phú Quý	Nhân viên điều khiển phía trước	7.000	-	-	7.000
219	Nguyễn Phước Hùng Phương	Trưởng xưởng Sản xuất	9.000	-	-	9.000
220	Nguyễn Tấn Phát	Tổ trưởng sản xuất nước	3.000	-	-	3.000
221	Lê Thái Bảo	Kỹ thuật viên công nghệ	4.000	-	-	4.000
222	Nguyễn Tiến Cường	Giám đốc	28.000	-	-	28.000
223	Nguyễn Ngọc Ngân	Phó Giám đốc	11.000	-	-	11.000
224	Hồ Minh Phương	Kế toán trưởng	9.000	200.000	-	209.000
225	Trần Thông Bình	Trưởng ca sản xuất	12.000	-	-	12.000
226	Phạm Văn Thiết	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
227	Lại Đức Đôn	Tổ trưởng nấu đường	9.000	-	-	9.000
228	Hồ Sĩ Nhu	Nhân viên vận hành Nấu A	4.000	-	-	4.000
229	Nguyễn Minh Cảnh	Trưởng bộ phận Cung ứng	12.000	-	-	12.000
230	Phạm Thị Châu Trang	Chuyên viên Hành chính – Nhân sự	9.000	-	-	9.000
231	Nguyễn Thị Mỹ Dung	Kế toán trưởng	18.000	-	-	18.000
232	Huỳnh Thị Hằng	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
233	Nguyễn Quang Minh	Giám đốc Công ty	38.000	-	-	38.000
234	Nguyễn Hùng Việt	Chuyên gia phụ trách nông nghiệp	30.000	-	-	30.000
235	Bùi Tuấn Sơn	Phó Giám đốc Tài chính	14.000	-	-	14.000
236	Nguyễn Huy	Trưởng trạm Nông vụ	9.000	-	-	9.000
237	Trần Trung Hiếu	Trưởng trạm Nông vụ	12.000	-	-	12.000
238	Trần Bá Phái	Trưởng trạm	6.000	-	-	6.000
239	Phạm Quang Luân	Trưởng trạm	20.000	-	-	20.000
240	Phan Văn Tèo	Trưởng Phòng Phát triển Nguyên liệu	20.000	-	-	20.000
241	Kiều Thái Anh	Trưởng phòng QHSE	12.000	-	-	12.000
242	Lê Văn Minh	Trưởng Phòng Hành chính quản trị	11.000	-	-	11.000
243	Nông Văn Chiến	Trưởng bộ phận Quản lý đầu tư	15.000	-	5.000	20.000
244	Nguyễn Xuân Hào	Trưởng Bộ phận Nguyên liệu	15.000	-	-	15.000
245	Đặng Thị Tiết	Chuyên viên Nhân sự	6.000	-	-	6.000
246	Nguyễn Thị Bích Trâm	Chuyên viên Chăm sóc Khách hàng	12.000	-	-	12.000
247	Lê Thị Ái Nữ Linh Yến	Chuyên viên điều phối vật tư	9.000	-	-	9.000
248	Võ Thị Thủy Dương	Chuyên viên phụ trách HSE	15.000	-	-	15.000
249	Phạm Thị Thu Thảo	Kế toán Tổng hợp	12.000	-	-	12.000
250	Lương Hồng Đồng	Chuyên viên Tổng hợp	9.000	-	-	9.000
251	Nguyễn Thế Thắng	Chuyên viên Kế toán quản trị	15.000	-	-	15.000
252	Nguyễn Thị Thanh Huyền	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	6.000	-	-	6.000
253	Lê Văn Thường	Đội trưởng đội lái xe	9.000	-	-	9.000
254	Lê Thị Huê	Nhân viên Chăm sóc Khách hàng	12.000	-	-	12.000
255	Nguyễn Khánh Lê Trung	Nhân viên Nông vụ	2.000	-	-	2.000
256	Phạm Thị Mai Trang	Nhân viên quản lý chất lượng	14.000	-	-	14.000
257	Đoàn Thị Kiều Quyên	Thủ quỹ	8.000	-	-	8.000
258	Vũ Thành Luân	Nhân viên Bảo vệ	1.000	-	-	1.000
259	Chu Lệ Hà	Chuyên viên KCS	4.000	-	-	4.000
260	Đào Duy Canh	Nhân viên Bảo vệ	2.000	-	-	2.000
261	Nguyễn Văn Giang	Phó Phòng Cơ giới Nông nghiệp	12.000	-	-	12.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
262	Trần Nguyễn Hùng	Giám sát dịch vụ	5.000	-	-	5.000
263	Nguyễn Ngọc Tân	Tổ trưởng Điều vận	9.000	-	-	9.000
264	Nguyễn Hữu Chí	Tổ trưởng vận hành	9.000	-	-	9.000
265	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	Nhân viên Kế hoạch	10.000	-	-	10.000
266	Vy Văn Sự	Nhân viên lái máy cơ giới nặng	6.000	-	-	6.000
267	Lương Văn Mỗn	Nhân viên lái máy cơ giới nặng	6.000	-	-	6.000
268	Lê Văn Cảnh	Trưởng Bộ phận Mua hàng	15.000	-	-	15.000
269	Nguyễn Mạnh Hoàng	Thủ kho Thành phẩm	6.000	-	-	6.000
270	Trần Thị Cẩm Hiền	Phụ kho vật tư	4.000	-	-	4.000
271	Phạm Đình Duy	Quản đốc phân xưởng	15.000	-	-	15.000
272	Phạm Cang	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất	25.000	-	-	25.000
273	Đặng Thị Mỹ Phương	Trưởng Bộ phận Kỹ thuật Sản xuất	20.000	-	-	20.000
274	Trần Từ Thiên	Trưởng bộ phận bảo trì cơ khí	12.000	-	-	12.000
275	Trương Anh Khoa	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
276	Nguyễn Văn Quốc	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
277	Lê Hữu Tuấn	Trưởng khu vực Nấu, Ly Tâm, Sấy, Silo, Đóng gói	15.000	-	-	15.000
278	Phan Thái Nam	Trưởng khu vực Nấu, Ly Tâm, Sấy, Silo, Đóng gói	9.000	-	-	9.000
279	Thần Anh Tuấn	Trưởng khu vực Nấu, Ly Tâm, Sấy, Silo, Đóng gói	9.000	-	-	9.000
280	Trần Trọng Ấn	Chuyên viên Công nghệ	9.000	-	-	9.000
281	Lê Xuân Hùng	Chuyên viên Cơ khí	15.000	-	-	15.000
282	Lê Ngọc Thương	Tổ trưởng Hóa chế	6.000	-	-	6.000
283	Nguyễn Ngọc Vương	Tổ trưởng Hóa chế	9.000	-	-	9.000
284	Phạm Văn Chi	Tổ trưởng nấu đường/ Tổ trưởng luyện đường thô	15.000	-	-	15.000
285	Nguyễn Thanh Tùng	Tổ trưởng Sản mĩa	6.000	-	-	6.000
286	Ngô Thị Thúy	Tổ trưởng đóng bao	6.000	-	-	6.000
287	Nguyễn Xuân Thành	Tổ trưởng Cán ép	15.000	-	-	15.000
288	Vương Trần Tính	Nhân viên vận hành Lắp chìm	6.000	-	-	6.000
289	Trần Mộng Hùng	Nhân viên vận hành Bốc hơi và Gia nhiệt	8.000	-	-	8.000
290	Đặng Quang Dũng	Nhân viên vận hành Bốc hơi và Gia nhiệt	14.000	-	-	14.000
291	Nguyễn Thanh Quang	Nhân viên vận hành Ly tâm B & C	12.000	-	-	12.000
292	Phạm Ba	Nhân viên vệ sinh gia nhiệt & bốc hơi	7.000	-	-	7.000
293	Trương Công Thành	Nhân viên vận hành Trạm bơm	6.000	-	-	6.000
294	Phạm Hữu Lễ	Nhân viên xử lý nguyên liệu	6.000	-	-	6.000
295	Lý Văn Trang	Nhân viên xử lý nguyên liệu	10.000	-	-	10.000
296	Quách Văn Phong	Trưởng Trung tâm nhiệt điện	15.000	-	-	15.000
297	Đỗ Hoàng Phúc	Trưởng phiên vận hành trạm điện	9.000	-	-	9.000
298	Bùi Hữu Quốc	Tổ trưởng vận hành trung tâm lò hơi	15.000	-	-	15.000
299	Nguyễn Văn Minh	Nhân viên bảo trì tự động	8.000	-	-	8.000
300	Lê Tấn Quốc	Nhân viên vận hành Lò hơi	5.000	-	-	5.000
301	Tào Quang Ngà	Nhân viên vận hành Turbine phát điện	12.000	-	-	12.000
302	Trần Minh Đức	Tổ trưởng bảo trì, sửa chữa	9.000	-	-	9.000
303	Huỳnh Cảnh Trí	Quản đốc Phân xưởng sản xuất	30.000	-	-	30.000
304	Nguyễn Thành Công	Trưởng khu vực Hóa chế, Gia nhiệt, Bốc hơi, Xử lý nước thải	15.000	-	-	15.000
305	Cao Thanh Tùng	Chuyên viên Dự án	15.000	-	-	15.000
306	Trần Văn Huyền	Tổ trưởng Sản mĩa	15.000	-	-	15.000
307	Bùi Thanh Dũng	Trưởng bộ phận điện tự động	12.000	-	-	12.000
308	Nguyễn Văn Kim Cương	Chuyên gia	35.000	-	-	35.000
309	Lương Tuấn Thông	Phó Giám đốc	70.000	-	-	70.000
310	Trương Quang Trình	Phó Giám đốc Công ty	44.000	-	-	44.000
311	Trần Thị Lê	Phó Giám đốc thường trực Công ty	41.000	-	-	41.000
312	Phan Thị Diệu Thuyền	Kế toán trưởng	12.000	-	-	12.000
313	Nguyễn Thị Kim Chung	Chuyên viên Kế toán	6.000	-	-	6.000
314	Trần Thị Minh Tâm	Chuyên viên Kế toán	10.000	-	-	10.000
315	Lê Thị Minh Trí	Trưởng Phòng Nhân sự	15.000	-	-	15.000
316	Mai Thị Thùy Trang	Chuyên viên Nhân sự	6.000	-	-	6.000
317	Phan Văn Đức	Trưởng Phòng Hành chính quản trị	30.000	-	-	30.000
318	Trần Thị Hằng	Chuyên viên Hành chính quản trị	15.000	-	-	15.000
319	Phạm Thị Hồng Bích	Nhân viên Y tế	5.000	-	-	5.000
320	Nguyễn Xuân Sang	Trưởng phòng Cung ứng	25.000	-	-	25.000
321	Đoàn Thị Mỹ Trinh	Chuyên viên Điều vận	6.000	-	-	6.000
322	Lê Thị Quỳnh Vân	Chuyên viên kinh doanh	4.000	-	-	4.000
323	Lý Phong Giang	Chuyên viên Mua hàng	6.000	-	-	6.000
324	Nguyễn Thế Hưng	Thủ kho vật tư	4.000	-	-	4.000
325	Hồ Minh Tuấn	Thủ kho Thành phẩm	6.000	-	-	6.000
326	Trần Thị Minh Trang	Nhân viên Mua hàng	5.000	-	-	5.000
327	Lê Văn Lập	Trưởng phòng QMS	15.000	-	-	15.000
328	Đỗ Thị Sâm	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	5.000	-	-	5.000
329	Phạm Minh Thuyết	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	6.000	-	-	6.000
330	Hà Thị Minh Thủy	Tổ trưởng chữ đường - tạp chất	5.000	-	-	5.000
331	Trần Thị Ngọc Vân	Nhân viên Kiểm nghiệm 1	5.000	-	-	5.000
332	Trần Đình Vũ	Trưởng Phòng Phát triển Nguyên liệu	20.000	-	-	20.000
333	Trần Thị Khoa	Chuyên viên Thu hoạch - Thu mua	10.000	-	-	10.000
334	Hoàng Hương Ly	Chuyên viên Kế hoạch	6.000	-	-	6.000
335	Đào Thị Thu Thảo	Nhân viên Chăm sóc Khách hàng	8.000	-	-	8.000
336	Phan Đình Hào	Nhân viên Nông vụ	8.000	-	-	8.000
337	Võ Sỹ Toàn	Nhân viên Nông vụ	3.000	-	-	3.000
338	Phan Thành Trường	Nhân viên Nông vụ	3.000	-	-	3.000
339	Lê Việt Tâm	Trưởng trạm Nông vụ	6.000	-	-	6.000
340	Nguyễn Trọng Hiếu	Phó trạm Nông vụ	5.000	-	-	5.000
341	Võ Văn Hiếu	Nhân viên Nông vụ	5.000	-	-	5.000
342	Đinh Quốc Vũ	Nhân viên Nông vụ	5.000	-	-	5.000
343	Đặng Văn Hải	Nhân viên Nông vụ	5.000	-	-	5.000
344	Đàm Hải Long	Trưởng trạm Nông vụ	15.000	-	-	15.000
345	Nguyễn Đức Hoàng	Nhân viên Nông vụ	8.000	-	-	8.000
346	Phạm Đình Nguyễn	Nhân viên Nông vụ	8.000	-	-	8.000
347	Hoàng Mạnh Tường	Quản đốc Phân xưởng sản xuất	35.000	-	-	35.000
348	Dương Hiến Trường	Chuyên viên Công nghệ	6.000	-	-	6.000
349	Nguyễn Thị Hiệp	Nhân viên tổng hợp Sản xuất	5.000	-	-	5.000
350	Đỗ Duy Nam	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất	12.000	-	-	12.000
351	Thần Trọng Bình	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
352	Nguyễn Ngọc Sơn	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
353	Dương Kim Đan	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
354	Nguyễn Đình Dự	Nhân viên hàn búa lược	6.000	-	-	6.000
355	Võ Văn Dự	Nhân viên điều khiển phía trước	5.000	-	-	5.000
356	Đỗ Văn Thâm	Nhân viên vận hành Che ép	8.000	-	-	8.000
357	Nguyễn Công Đoàn	Nhân viên vận hành Cào mĩa	5.000	-	-	5.000
358	Nguyễn Ngọc Phước	Nhân viên vận hành băng tải nạp mĩa	7.000	-	-	7.000
359	Hàn Duy Lộc	Tổ trưởng Hóa chế	10.000	-	-	10.000
360	Đinh Quang Ngọc	Nhân viên vận hành Bốc hơi và Gia nhiệt	8.000	-	-	8.000
361	Phạm Ái Quốc	Trưởng khu vực Nấu đường	9.000	-	-	9.000
362	Bùi Thanh Lương	Tổ trưởng nấu đường	6.000	-	-	6.000
363	Nguyễn Duy Triều	Tổ trưởng nấu đường	6.000	-	-	6.000
364	Phạm Văn Hào	Tổ trưởng nấu đường	10.000	-	-	10.000
365	Đặng Văn Minh	Nhân viên vận hành Nấu B	6.000	-	-	6.000
366	Đỗ Bá Vương	Nhân viên vận hành Nấu B	5.000	-	-	5.000
367	Nguyễn Văn Được	Nhân viên vận hành Nấu B	5.000	-	-	5.000
368	Nguyễn Văn Tý	Nhân viên Nấu giống	5.000	-	-	5.000
369	Lương Gia Huy	Nhân viên vận hành Nấu A	8.000	-	-	8.000
370	Nguyễn Đình Hào	Nhân viên vận hành Nấu A	6.000	-	-	6.000
371	Nguyễn Quốc Hoàn	Nhân viên vận hành Nấu A	4.000	-	-	4.000
372	Phan Văn Cường	Nhân viên vận hành Nấu A	5.000	-	-	5.000
373	Nguyễn Như Thông	Tổ trưởng Ly tâm	6.000	-	-	6.000
374	Nguyễn Trung Tín	Nhân viên vận hành Ly tâm A	5.000	-	-	5.000
375	Trần Minh Thế	Nhân viên vận hành đóng bao	3.000	-	-	3.000
376	Vũ Dương Xuân	Trưởng khu vực bảo trì cơ khí	9.000	-	-	9.000
377	Nguyễn Vương Triều	Chuyên viên vận hành hệ thống xử lý nước thải	5.000	-	-	5.000
378	Võ Hưng Vinh	Nhân viên vận hành Trạm bơm	5.000	-	-	5.000
379	Nguyễn Văn Dưỡng	Chuyên viên Lò hơi	3.000	-	-	3.000
380	Dương Thành Tâm	Trưởng phiên vận hành trạm điện	4.000	-	-	4.000
381	Lê Xuân Nam	Trưởng phiên vận hành trạm điện	6.000	-	-	6.000
382	Trịnh Tiến Khôi	Trưởng phiên vận hành trạm điện	4.000	-	-	4.000
383	Phan Huy Liên	Trưởng kíp Lò hơi & Turbin	6.000	-	-	6.000
384	Lê Phước Trình	Nhân viên vận hành Turbine	10.000	-	-	10.000
385	Đoàn Hữu Nghị	Nhân viên vận hành trạm điện	5.000	-	-	5.000
386	Nguyễn Ái Linh	Nhân viên vận hành xử lý nước lò hơi	5.000	-	-	5.000
387	Nguyễn Trọng Dũng	Trưởng khu vực bảo trì điện	9.000	-	-	9.000
388	Huỳnh Phương Nam	Tổ trưởng Bảo trì điện	10.000	-	-	10.000
389	Lê Văn Sơn	Tổ trưởng Bảo trì điện	4.000	-	-	4.000
390	Đỗ Ngọc Khánh	Nhân viên bảo trì điện	5.000	-	-	5.000
391	Lê Quốc Việt	Nhân viên bảo trì điện	5.000	-	-	5.000
392	Nguyễn Hữu Tâm	Nhân viên Lái xe	5.000	-	-	5.000
393	Trần Đình Kỳ	Nhân viên Lái xe	5.000	-	-	5.000
394	Vũ Thị Lan	Giám đốc Công ty	190.000	-	-	190.000
395	Phùng Thị Trúc Linh	Trưởng bộ phận QA	15.000	-	-	15.000
396	Lê Anh Đức	Nhân viên bán cần	5.000	-	-	5.000
397	Trịnh Văn Lâm	Trưởng trạm Nông vụ	6.000	-	-	6.000
398	Nguyễn Văn Tâm	Trưởng khu vực Hóa chế	9.000	-	-	9.000
399	Mai Xuân Thuận	Nhân viên vận hành Nấu A	5.000	-	-	5.000
400	Nguyễn Thiện Đức	Nhân viên vận hành đóng bao	8.000	-	-	8.000
401	Hà Lục Ngạn	Tổ trưởng Bảo trì cơ khí	10.000	-	-	10.000
402	Lê Đình Nghiêm	Giám đốc Nhà máy	60.000	-	-	60.000
403	Ngô Thị Thanh Hằng	Phó Giám đốc Nhà máy	45.000	-	-	45.000
404	Võ Xuân Toàn	Quản đốc Phân xưởng sản xuất	21.000	-	-	21.000
405	Phạm Quốc Nghị	Phó Quản đốc phụ trách Bảo trì	8.000	-	-	8.000
406	Đặng Thị Lý Hoa	Tổ trưởng khu vực Sản phẩm mới	6.000	-	-	6.000
407	Lê Thị Lưu	Nhân viên tổng hợp Sản xuất	6.000	-	-	6.000
408	Trần Quang Thạch	Tổ trưởng Hóa chế	6.000	-	-	6.000
409	Nguyễn Hải Đăng	Tổ trưởng Trạm bơm	6.000	-	-	6.000
410	Nguyễn Thanh Dũng	Tổ trưởng Trạm bơm	4.000	-	-	4.000
411	Nguyễn Thị Thu	Tổ trưởng đóng bao	5.000	-	-	5.000
412	Nguyễn Thị Kim Lan	Thủ kho đường thô	6.000	-	-	6.000
413	Hồ Văn Cảnh	Nhân viên vận hành lò hơi turbine máy phát điện	6.000	-	-	6.000
414	Võ Thị Kim Chi	Nhân viên nấu đường phen	5.000	-	-	5.000
415	Nguyễn Công Hiếu	Nhân viên vận hành máy sàng đường phen	5.000	-	-	5.000
416	Phạm Trung Nghĩa	Nhân viên vận hành Đóng túi máy Bosch	6.000	-	-	6.000
417	Nguyễn Văn Kiên	Nhân viên vận hành Đóng túi máy Sáng Tạo	6.000	-	-	6.000
418	Nguyễn Tấn Tài	Tổ phó Bảo trì cơ khí	6.000	-	-	6.000
419	Võ Văn Quang	Nhân viên vận hành Sấy, Sàng đường	2.000	-	-	2.000
420	Nguyễn Thị Thanh	Nhân viên vận hành đóng bao	5.000	-	-	5.000
421	Trần Phú Điền	Tổ trưởng nấu đường/ Tổ trưởng luyện đường thô	6.000	-	-	6.000
422	Võ Văn Việt	Tổ trưởng Ly tâm	4.000	-	-	4.000
423	Tổng Phước Khánh	Tổ trưởng Sấy sàng, Silo đường	6.000	-	-	6.000
424	Nguyễn Thủy Dung	Trưởng Phòng Nhân sự	24.000	-	-	24.000
425	Lê Thị Hiền	Trưởng Bộ Phận Nhân sự	15.000	-	-	15.000
426	Phạm Thị Ngọc	Chuyên viên Nhân sự	4.000	-	-	4.000
427	Hoàng Thị Thủy	Trưởng Bộ phận Hành chính quản trị	18.000	-	-	18.000
428	Lê Thị Tuyết Mai	Chuyên viên Văn thư	6.000	-	-	6.000
429	Nguyễn Công Luân	Nhân viên Hành chính quản trị	7.000	-	-	7.000
430	Phan Vinh Sơn	Nhân viên Hành chính quản trị	8.000	-	-	8.000
431	Dương Thị Hiền	Bếp chính	3.000	-	-	3.000
432	Nguyễn Thanh Thúy	Bếp chính	6.000	-	-	6.000
433	Nguyễn Quang Minh	Nhân viên Bảo vệ	3.000	-	-	3.000
434	Vũ Kim Khoát	Nhân viên Bảo vệ	5.000	-	-	5.000
435	Võ Kiều Vương	Trưởng ca Bảo vệ	5.000	-	-	5.000
436	Diệp Bảo Dân	Nhân viên Bảo vệ	4.000	-	-	4.000
437	Lê Văn Thừa	Nhân viên Bảo vệ	3.000	-	-	3.000
438	Nguyễn Văn Bé	Nhân viên Kế toán	7.000	-	-	7.000
439	Thái Thị Lâm	Phụ kho thành phẩm	3.000	-	-	3.000
440	Lê Văn Hiếu	Trưởng Phòng Kỹ thuật dự án	18.000	-	-	18.000
441	Đặng Hùng Quốc	Chuyên viên cấp trung	8.000	-	-	8.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
442	Hoàng Anh Dũng	Kỹ thuật viên Cơ khí	7.000	-	-	7.000
443	Nguyễn Trần Minh	Thủ kho hóa chất, bao bì	3.000	-	-	3.000
444	Hồ Thị Giang	Nhân viên bán cần	5.000	-	-	5.000
445	Thái Thị Cẩm	Nhân viên bán cần	3.000	-	-	3.000
446	Lê Hồng Phong	Phó phòng phụ trách phòng QHSE	7.000	-	-	7.000
447	Ta Thị Huỳnh Giao	Trưởng bộ phận Kiểm nghiệm	2.000	-	-	2.000
448	Nguyễn Châu Bảo Ngọc	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	3.000	-	-	3.000
449	Bùi Duy Chính	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	5.000	-	-	5.000
450	Trịnh Thanh Long	Nhân viên Bảo vệ	2.000	-	-	2.000
451	Võ Thị Thủy Tiên	Giám Đốc Công Ty	72.000	-	-	72.000
452	Bùi Bá Thúc	Phó Giám đốc Công ty	42.000	-	-	42.000
453	Biện Tuấn An	Phó Giám đốc Công ty	50.000	-	-	50.000
454	Ngô Thị Thu Trang	Kế toán Trưởng	36.000	-	-	36.000
455	Hồ Phan Ngọc Hiền	Chuyên viên Cấp Trung	12.000	-	-	12.000
456	Lương Thị Hằng Nga	Kế toán tổng hợp	15.000	-	-	15.000
457	Ngô Thị Hồng Liên	Chuyên viên Tài Chính	9.000	-	-	9.000
458	Trương Thị Thùy Linh	Chuyên viên Kế Toán	10.000	-	10.000	20.000
459	Võ Thị Bình	Thủ quỹ	4.000	-	-	4.000
460	Đỗ Thị Thanh Xuân	Nhân viên kế toán	5.000	-	-	5.000
461	Trần Thị Thu Thủy	Nhân viên kế hoạch	8.000	-	-	8.000
462	Nguyễn Hải Quân	Trưởng phòng Cung Ứng	21.000	-	-	21.000
463	Trần Ngọc Anh Thư	Phó Phòng Cung Ứng	25.000	-	-	25.000
464	Tô Văn Trí	Trưởng bộ phận kho	15.000	-	-	15.000
465	Nguyễn Thị Mộng Nhung	Chuyên viên Hành chánh tổng hợp	10.000	-	-	10.000
466	Võ Tấn Thành	Nhân viên Điều vận	6.000	-	-	6.000
467	Nguyễn Đình Chương	Chuyên viên cấp trung	12.000	-	-	12.000
468	Đinh Văn Sơn	Thủ kho Thành phẩm	4.000	-	-	4.000
469	Kiều Hâu	Thủ kho vật tư	6.000	-	-	6.000
470	Lê Văn Hải	Phụ kho thành phẩm	6.000	-	-	6.000
471	Lê Xuân Trung	Phụ kho thành phẩm	5.000	-	-	5.000
472	Lê Thị Mỹ Hằng	Trưởng Phòng Phát triển Nguyên Liệu	18.000	-	-	18.000
473	Phạm Văn Quang	Chuyên viên Chăm sóc Khách hàng	4.000	-	-	4.000
474	Huỳnh Thị Như Sương	Chuyên viên chăm sóc khách hàng	6.000	-	-	6.000
475	Đặng Thị Bích Ngân	Chuyên viên kế hoạch - Tổng hợp	6.000	-	-	6.000
476	Võ Thị Ngọc Thủy	Chuyên viên khuyến nông	9.000	-	-	9.000
477	Ngô Văn Thành	Nhân viên Nông vụ	4.000	-	-	4.000
478	Võ Ngọc Quang	Trưởng trạm Nông vụ	6.000	-	-	6.000
479	Nguyễn Văn Tiến	Nhân viên nông vụ	2.000	-	-	2.000
480	Hồ Việt Vũ	Nhân viên Nông vụ	3.000	-	-	3.000
481	Cao Xuân Cường	Nhân viên Nông vụ	4.000	-	-	4.000
482	Phạm Duy Thiện	Nhân viên Nông vụ	10.000	-	-	10.000
483	Tô Minh Hiền	Nhân viên Nông vụ	5.000	-	-	5.000
484	Nguyễn Thành Trọng	Nhân viên nông vụ	5.000	-	-	5.000
485	Nguyễn Ngọc Thành	Trưởng trạm Nông vụ	9.000	-	-	9.000
486	Trần Đức Thế	Nhân viên Nông vụ	6.000	-	-	6.000
487	Kiều Xuân Nhiệm	Trưởng trạm Nông vụ	9.000	-	-	9.000
488	Nguyễn Trần Huy Thục	Chuyên viên nông vụ	10.000	-	-	10.000
489	Lê Việt Hùng	Nhân viên nông vụ	6.000	-	-	6.000
490	Lê Xuân Liêm	Nhân viên Nông vụ	6.000	-	-	6.000
491	Ngô Duy Bình	Phó trạm Nông vụ	9.000	-	-	9.000
492	Trần Trọng Đức	Nhân viên Nông vụ	8.000	-	-	8.000
493	Đoàn Công Phước	Nhân viên Nông vụ	6.000	-	-	6.000
494	Nguyễn Thị Hồng Diễm	Trưởng phòng Hành chính	21.000	-	-	21.000
495	Hoàng Thị Thanh Nga	Chuyên viên quản lý chi phí	6.000	-	-	6.000
496	Nguyễn Hoàng Thủy	Đội trưởng Đội bảo vệ	15.000	-	-	15.000
497	Nguyễn Hồng Nữ	Chuyên viên hành chánh tổng hợp	9.000	-	-	9.000
498	Kiều Yến Nhi	Nhân viên Y tế	5.000	-	-	5.000
499	Nguyễn Hữu Dũng	Nhân viên lái xe	6.000	-	-	6.000
500	Đàm Huy Vượng	Nhân viên lái xe	6.000	-	-	6.000
501	Trần Ngọc Phong	Đội trưởng Đội xe	6.000	-	-	6.000
502	Nguyễn Thành Tin	Trưởng ca Bảo vệ	6.000	-	-	6.000
503	Lê Nhật Trường	Trưởng ca Bảo vệ	10.000	-	-	10.000
504	Trần Huy Hoàng	Nhân viên bảo vệ	3.000	-	-	3.000
505	Nguyễn Thị Phương	Trưởng Phòng Nhân Sự	18.000	-	-	18.000
506	Nguyễn Thị Viên	Nhân viên nhân sự	4.000	-	-	4.000
507	Võ Anh Kiệt	Trưởng Phòng QMS	21.000	-	-	21.000
508	Lê Thị Kiều Oanh	Trưởng bộ phận HSE	15.000	-	-	15.000
509	Nguyễn Thị Bích Lợi	Chuyên viên quản lý hệ thống	8.000	-	-	8.000
510	Võ Thụy Thu Thủy	Trưởng bộ phận chữ đường - tạp chất	15.000	-	-	15.000
511	Võ Thị Phương	Tổ trưởng chữ đường - tạp chất	10.000	-	-	10.000
512	Lương Thị Hồng Trang	Tổ trưởng chữ đường - tạp chất	6.000	-	-	6.000
513	Lê Trần Phúc Nguyên	Trưởng bộ phận Kiểm nghiệm	9.000	-	-	9.000
514	Trần Đình Lễ	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	6.000	-	-	6.000
515	Nguyễn Thị Hoài Nhân	Nhân viên quản lý chất lượng	5.000	-	-	5.000
516	Cao Thị Huệ	Tổ trưởng chữ đường - tạp chất	6.000	-	-	6.000
517	Nguyễn Tấn Tài	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	5.000	-	-	5.000
518	Dương Ái Trâm	Tổ trưởng Kiểm nghiệm	6.000	-	-	6.000
519	Trần Thị Hương	Nhân viên kiểm nghiệm 1	6.000	-	6.000	12.000
520	Nguyễn Thị Thanh Hoa	Nhân viên kiểm nghiệm 2	5.000	-	-	5.000
521	Bùi Quang Vinh	Quản đốc Phân xưởng bảo trì	24.000	-	-	24.000
522	Nguyễn Tuấn Anh	Phó Quản đốc Phân xưởng bảo trì	25.000	-	-	25.000
523	Trần Phùng Sot	Trưởng bộ phận Điện tự động	12.000	-	-	12.000
524	Trần Tấn Trình	Nhân viên bảo trì điện	6.000	-	-	6.000
525	Lê Hồng Kỳ	Nhân viên bảo trì điện	6.000	-	-	6.000
526	Nguyễn Đỗ	Nhân viên bảo trì điện	5.000	-	-	5.000
527	Phan Thế Truyền	Tổ trưởng Bảo trì cơ khí	9.000	-	-	9.000
528	Trương Quang Anh	Nhân viên Bảo trì cơ khí	12.000	-	-	12.000
529	Nguyễn Thái Nhut	Nhân viên Bảo trì cơ khí	7.000	-	-	7.000
530	Bùi Quang Tuyền	Nhân viên Bảo trì cơ khí	7.000	-	-	7.000
531	Phan Ngọc Bảo	Nhân viên tổng hợp bảo trì	3.000	-	-	3.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
532	Bùi Quang Thanh	Nhân viên Bảo trì cơ khí	5.000	-	-	5.000
533	Hồ Đức Phương	Nhân viên Bảo trì cơ khí	5.000	-	-	5.000
534	Lê Huỳnh Bảo Tiên	Nhân viên Bảo trì cơ khí	10.000	-	-	10.000
535	Nguyễn Tấn Phong	Nhân viên Bảo trì cơ khí	3.000	-	-	3.000
536	Đỗ Đình Bình	Nhân viên Bảo trì điện	5.000	-	-	5.000
537	Hoàng Thành Trung	Nhân viên Bảo trì tự động	5.000	-	-	5.000
538	Trần Phùng Minh Sinh	Nhân viên Bảo trì tự động	5.000	-	-	5.000
539	Hà Ngọc Hiệp	Nhân viên Bảo trì điện	3.000	-	-	3.000
540	Ngô Nguyễn Quang Luân	Nhân viên Bảo trì cơ khí	5.000	-	-	5.000
541	Lê Tấn Tài	Trưởng Trung tâm nhiệt điện	21.000	-	-	21.000
542	Châu Tôn Vinh	Phó Trung tâm nhiệt điện	15.000	-	-	15.000
543	Nguyễn Phú Cường	Trưởng kíp Lò hơi & turbin	9.000	-	-	9.000
544	Nguyễn Minh Hữu	Trưởng kíp Lò hơi & turbin	15.000	-	-	15.000
545	Nguyễn Văn Ý	Nhân viên vận hành Turbine	5.000	-	-	5.000
546	Trần Ngọc Đứng	Nhân viên vận hành Xứ lý nước lò hơi	3.000	-	-	3.000
547	Nguyễn Tài	NV VH vệ sinh gầm ghi và kiểm tra thiết bị	6.000	-	-	6.000
548	Nguyễn Ngọc Quân	Nhân viên vận hành xe	5.000	-	-	5.000
549	Phan Duy Vũ	Nhân viên vận hành trạm điện	3.000	-	-	3.000
550	Nguyễn Quang Huy	Trưởng kíp Lò hơi & turbin	6.000	-	-	6.000
551	Trần Văn Dũng	Trưởng phiên vận hành trạm điện	4.000	-	-	4.000
552	Nguyễn Ngọc Kiệt	Trưởng phiên vận hành trạm điện	6.000	-	-	6.000
553	Trần Thế Đông	Trưởng phiên vận hành trạm điện	6.000	-	-	6.000
554	Phan Văn Đức	Nhân viên vận hành Lò hơi	6.000	-	-	6.000
555	Trần Đức Lợi	Nhân viên vận hành Lò hơi	10.000	-	-	10.000
556	Võ Thế Hoàng	Nhân viên vận hành Turbine	3.000	-	-	3.000
557	Đặng Thế Hùng	Nhân viên vận hành Turbine	3.000	-	-	3.000
558	Đặng Kim Thoại	Quản đốc Phân xưởng Sản xuất	21.000	-	-	21.000
559	Lê Văn Thái	Phó Quản đốc phân xưởng Sản xuất	15.000	-	-	15.000
560	Nguyễn Hữu Mạnh	Trưởng bộ phận điện	20.000	-	-	20.000
561	Đoàn Công Vương	Chuyên viên Công nghệ	15.000	-	-	15.000
562	Võ Phương Linh	Nhân viên tổng hợp sản xuất	6.000	-	15.000	21.000
563	Nguyễn Tấn Hòa	Tổ trưởng hệ thống xử lý nước thải, kiểm phân tích mẫu	9.000	-	-	9.000
564	Lê Hùng Khánh	Tổ trưởng xử lý mĩa - trích ly	10.000	-	-	10.000
565	Nguyễn Văn Thanh	Nhân viên vận hành Bàn lửa - tiếp nạp	10.000	-	-	10.000
566	Trần Hữu Tài	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
567	Lâm Văn Hiệp	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	5.000	-	-	5.000
568	Nguyễn Thành Nhân	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	5.000	-	-	5.000
569	Nguyễn Hữu Đạt	Tổ trưởng đóng bao, hỗ trợ xả bao	5.000	-	-	5.000
570	Nguyễn Văn Truyền	Tổ trưởng hóa chế kiểm vận hành xử lý nước mĩa	5.000	-	-	5.000
571	Vương Chí Vinh	Nhân viên vận hành lắng chìm kiểm bom nước mĩa khu thô	5.000	-	-	5.000
572	Nguyễn Thành Xuân	Nhân viên vận hành lắng chìm kiểm bom nước mĩa khu thô	5.000	-	-	5.000
573	Đặng Đình Thuận	Tổ trưởng nấu đường	10.000	-	-	10.000
574	Huỳnh Văn Nam	Nhân viên vận hành Nấu Luyện	6.000	-	-	6.000
575	Trần Văn Toàn	Nhân viên vận hành Nấu Luyện	6.000	-	-	6.000
576	Lê Hữu Lân	Nhân viên vận hành Nấu Luyện	5.000	-	-	5.000
577	Hoàng Đức Hùng	Tổ trưởng đóng bao, hỗ trợ xả bao	10.000	-	-	10.000
578	Trần Văn Hiến	Tổ trưởng hóa chế kiểm vận hành xử lý nước mĩa	10.000	-	-	10.000
579	Tô Xuân Huy	Tổ trưởng hóa chế kiểm vận hành xử lý nước mĩa	6.000	-	-	6.000
580	Lê Minh Hùng	Tổ trưởng hóa chế (vận hành lọc auto; lọc an toàn 1,2)	10.000	-	-	10.000
581	Nguyễn Văn Thái	Tổ trưởng Ly tâm (Ly tâm A)	6.000	-	-	6.000
582	Nguyễn Hữu Toàn	Phó ca sản xuất	15.000	-	-	15.000
583	Cao Văn Hoàng	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	6.000	-	-	6.000
584	Lưu Hồng Trường	Tổ trưởng xử lý mĩa - trích ly	6.000	-	-	6.000
585	Trần Thanh Danh	Tổ trưởng xử lý mĩa - trích ly	6.000	-	-	6.000
586	Võ Hoàng Ân	Phó ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
587	Lương Ngọc Mỹ	Trưởng ca sản xuất	12.000	-	-	12.000
588	Lâm Hữu Phước	Trưởng ca sản xuất	9.000	-	-	9.000
589	Lê Quang Liêm	Phó ca sản xuất	20.000	-	-	20.000
590	Thái Văn Thịnh	Tổ trưởng Ly tâm (Ly tâm A)	6.000	-	-	6.000
591	Nguyễn Thành Khương	Tổ trưởng nấu đường kiểm vận hành nấu A	6.000	-	-	6.000
592	Lê Thanh Dũng	Nhân viên vận hành Bàn lửa - tiếp nạp	7.000	-	-	7.000
593	Biến Văn Nam	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	5.000	-	-	5.000
594	Biến Văn Hiệp	Nhân viên vận hành Ly tâm Luyện	5.000	-	-	5.000
595	Nguyễn Văn Toàn	Nhân viên vận hành Nấu Luyện	8.000	-	-	8.000
596	Phan Ngọc Quốc	Nhân viên vận hành Scada che ép	5.000	-	-	5.000
597	Trần Hồng Nghĩa	Nhân viên vận hành thiết bị kho đường thô	5.000	-	-	5.000
598	Nguyễn Thái Quốc	Nhân viên vận hành Bốc hơi và Gia nhiệt	4.000	-	-	4.000
599	Nguyễn Văn San	Tổ trưởng hóa chế (vận hành lọc auto; lọc an toàn 1,2)	10.000	-	-	10.000
600	Lê Hà Nghĩa	Tổ trưởng nấu đường kiểm vận hành nấu A	6.000	-	-	6.000
601	Phùng Nguyễn Âu Đệ	Chủ tịch Công ty	45.000	-	-	45.000
602	Lê Xuân Tâm	Giám đốc Công ty	42.000	-	-	42.000
603	Phan Văn Toàn	Giám đốc Khối Nông nghiệp	27.000	-	-	27.000
604	Trần Thanh Hải	Phó Giám đốc khối sản xuất	24.000	-	-	24.000
605	Danh Phước Tùng	Chuyên viên Nhân sự	9.000	-	-	9.000
606	Danh Bal	Trưởng Bộ phận Hành chính quản trị	9.000	-	-	9.000
607	Lâm Quốc Hưng	Trưởng bộ phận QHSE	12.000	-	-	12.000
608	Nguyễn Thành Lư	Phó quản đốc Phân xưởng sản xuất	20.000	-	-	20.000
609	Võ Đình Trung	Trưởng ca sản xuất	20.000	-	-	20.000
610	Trần Hiếu Hiền	Nhân viên vận hành Ly tâm A	4.000	-	-	4.000
611	Nguyễn Phong Thuận	Nhân viên bảo trì cơ khí	8.000	-	-	8.000
612	Tăng Quốc Nhân	Nhân viên vận hành Cầu mĩa	12.000	-	-	12.000
613	Nguyễn Tân Khoa	Chuyên viên Cơ khí	6.000	-	-	6.000
614	Cao Quảng Nhân	Trưởng Phòng Phát triển Nguyên liệu	25.000	-	-	25.000
615	Hoàng Thị Thủy	Phó phòng Phát triển Nguyên liệu	20.000	-	-	20.000
616	Lê Sỹ Hà	Trưởng nông trường	12.000	-	-	12.000
617	Trần Sỹ Sơn	Nhân viên Canh tác	7.000	-	-	7.000
618	Nguyễn Ngọc Đình	Trưởng trạm	15.000	-	-	15.000
619	Ngô Văn Tấn	Nhân viên Nông vụ	7.000	-	-	7.000
620	Lê Hồng Phong	Trưởng bộ phận Hạ tầng Nông nghiệp	35.000	-	-	35.000
621	Nguyễn Văn Thao	Trưởng ca sản xuất	6.000	-	-	6.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
622	Hà Minh Thích	Nhân viên Nông vụ	5.000	-	-	5.000
623	Trần Quốc Vũ	Nhân viên vận hành hệ thống xử lý nước thải, tháp giải nhiệt	5.000	-	-	5.000
624	Phan Trọng Tú	Nhân viên vận hành Xứ lý nước lò hơi	8.000	-	-	8.000
625	Nguyễn Thị Diệu Ngân	Chuyên viên hành chính	6.000	-	-	6.000
626	Phan Thụy Hiếu Văn	Trưởng phòng QMS	11.000	-	-	11.000
627	Thần Minh Sơn	Trưởng khu vực	21.000	-	-	21.000
628	Nguyễn Văn Lung	Tổ trưởng kỹ thuật	4.000	-	-	4.000
629	Cao Thị Thủy Bình	Chuyên viên Sale admin	6.000	-	-	6.000
630	Đặng Minh Tấn	Thủ kho	9.000	-	-	9.000
631	Bùi Chí Cường	Nhân viên cung ứng	6.000	-	-	6.000
632	Nguyễn Tây Khoa	Giám đốc	19.000	-	-	19.000
633	Phạm Tâm	Trưởng Bộ Phận Dịch Vụ	15.000	-	-	15.000
634	Nguyễn Thị Kim Thanh	Trưởng Bộ Phận Văn Hành	3.000	-	-	3.000
635	Nhan Xuân Đào	Chuyên viên Sales Admin	6.000	-	-	6.000
636	Đinh Lý Thăng Long	Chuyên viên Cấp trung	13.000	-	-	13.000
637	Nguyễn Hải Đăng	Chuyên viên Thiết kế	9.000	-	-	9.000
638	Lê Tiến Đạt	Phó quản đốc	8.000	-	-	8.000
639	Trần Thị Diệu	Chuyên viên Xuất Nhập Khẩu	3.000	-	-	3.000
640	Lê Quốc Phong	Tổng Giám đốc	79.000	305.800	-	384.800
641	Đinh Thị Quỳnh Anh	Chuyên viên EMS	4.000	-	-	4.000
642	Đinh Thị Yến Phương	Giám đốc Khối Cây Ăn Quả	30.000	-	-	30.000
643	Nguyễn Trung Hiếu	Trưởng Bộ phận Bảo trì	12.000	-	-	12.000
644	Nguyễn Trần Tiến	Trưởng phòng	13.000	-	-	13.000
645	Đặng Tiến Dũng	trưởng phòng	11.000	-	-	11.000
646	Trần Ngọc Trang	Trưởng phòng Kinh doanh	40.000	-	-	40.000
647	Đỗ Hoàng Anh Thư	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
648	Nguyễn Trọng Nghĩa	Trưởng phòng	13.000	200.000	200.000	413.000
649	Nguyễn Trung Vũ	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
650	Nguyễn Hồng Thanh Nhân	Trưởng phòng	11.000	-	-	11.000
651	Lại Tuấn Kiệt	Tp. Marketing	15.000	-	-	15.000
652	Trịnh Thị Thu Thảo	Nhân viên Lab NCM	4.000	-	-	4.000
653	Mai Châu Âu	Kế toán tổng hợp	15.000	100.000	150.000	265.000
654	Nguyễn Thị Hồng Yến	Kế toán trưởng	13.000	-	-	13.000
655	Nguyễn Thị Ngọc Như	Trưởng phòng	11.000	-	-	11.000
656	Phạm Sĩ Hiếu	Chuyên viên quản lý nông nghiệp	12.000	-	-	12.000
657	Nguyễn Văn Phục	Phó khu vực Miền Tây	9.000	-	-	9.000
658	Nguyễn Thuý Phương	Trưởng phòng	9.000	-	-	9.000
659	Đậu Thị Phương Linh	Chuyên viên Quản lý rủi ro, Quy trình và Tuân thủ	6.000	-	-	6.000
660	Nguyễn Thị Tú Trinh	Viện Phó	8.000	-	-	8.000
661	Huỳnh Thảo Linh	PGĐ Vận hành	34.000	500.000	-	534.000
662	Đinh Thị Ngọc Dung	Tổ trưởng lab ong mắt đỏ	6.000	-	-	6.000
663	Uông Hoàng Tý	Chuyên viên tổng hợp	4.000	-	-	4.000
664	Nguyễn Công Thành	Tổ trưởng canh tác	9.000	-	-	9.000
665	Trần Thanh Thủy	Chuyên viên thống kê và Quản lý tài sản	6.000	-	-	6.000
666	Nguyễn Văn Việt	tổ trưởng canh tác	6.000	-	-	6.000
667	Đinh Thị Trúc Huệ	Chuyên viên đầu tư thu mua	9.000	-	-	9.000
668	Huỳnh Thị Hồng Đào	chuyên viên	4.000	-	-	4.000
669	Trần Phương Quỳnh	Nhân viên nghiên cứu	7.000	-	-	7.000
670	Huỳnh Long Định	Giám đốc khối nhà máy	23.000	-	-	23.000
671	Nguyễn Vĩ Hào	Chuyên viên kỹ thuật	6.000	-	-	6.000
672	Lê Thị Kiều Như	Trưởng Phòng Cung Ứng	9.000	-	-	9.000
673	Phạm Hữu Sinh	Kỹ Sư Thiết Kế hệ Thống Tưới	5.000	-	-	5.000
674	Nguyễn Thanh Hà	Tổ trưởng vận hành tưới	10.000	-	-	10.000
675	Hà Như Tuyền	Trưởng Phòng	11.000	-	-	11.000
676	Nguyễn Thị Kiều Liên	Trưởng phòng	8.000	-	-	8.000
677	Lê Xuân Trúc	Chuyên Viên Cơ Khí	3.000	-	-	3.000
678	Phạm Thị Thanh Nga	Chuyên viên kinh doanh Key account	9.000	-	-	9.000
679	Mã Hồng Lý	Chuyên viên	3.000	-	-	3.000
680	Trương Thị Thanh Thủy	Sale admin	10.000	-	-	10.000
681	Phạm Thị Hồng Thắm	Chuyên viên sale admin gao	6.000	-	-	6.000
682	Phạm Tấn Hiền	Giám đốc Công ty	19.000	-	-	19.000
683	Phạm Thị Bích Ngân	Nhân viên sản xuất chế phẩm	4.000	-	-	4.000
684	Lê Quốc Thịnh	Tổ trưởng kỹ thuật	6.000	-	-	6.000
685	Lê Thanh Quốc	Nhân viên canh tác nông trường	5.000	-	-	5.000
686	Đặng Thị Trà My	Nhân viên tổng hợp	6.000	-	-	6.000
687	Chu Thị Thùy Linh	Nhân viên tổng hợp	8.000	-	-	8.000
688	Hoàng Văn Hiệu	Nhân viên Lab phân tích	6.000	-	-	6.000
689	Hồ Hữu Nghĩa	Tổ trưởng Canh tác	15.000	-	-	15.000
690	Đặng Ngọc Trai	Giám đốc Nông trường	24.000	-	-	24.000
691	Lê Ngọc Diệu	Chuyên viên	6.000	-	-	6.000
692	Võ Thị Hà Phương	Chuyên viên Phát triển Dự án Cây ăn quả	9.000	-	-	9.000
693	Thần Văn Vy	Trưởng Phòng	15.000	-	-	15.000
694	Nguyễn Thị Kim Dung	Chuyên viên mua hàng	4.000	-	-	4.000
695	Vũ Thị Phương Thanh	Trưởng Bộ phận	12.000	-	-	12.000
696	Nguyễn Thị Hồng Thu	Chuyên viên nhân sự	4.000	-	-	4.000
697	Nguyễn Thị Mỹ Linh	CHUYÊN VIÊN	9.000	-	-	9.000
698	Nguyễn Văn Trương	Trưởng Trung tâm JS	8.000	-	-	8.000
699	Lê Thị Thanh Phương	Chuyên viên đầu tư - thu mua	9.000	-	-	9.000
700	Lý Tri Hiệp	Nhân viên nghiên cứu	4.000	-	-	4.000
701	Nguyễn Thị Lan Hương	Chuyên viên kế toán	6.000	-	-	6.000
702	Nguyễn Thị Mỹ Phương	nhân viên sản xuất rượu	6.000	-	-	6.000
703	Giảng Kim Ngân	Chuyên viên Kinh doanh	6.000	-	-	6.000
704	Nguyễn Tấn Thanh	Chuyên viên	6.000	-	-	6.000
705	Trần Thị Ngọc Diễm	Nhân viên SALE ADMIN	2.000	-	-	2.000
706	Vũ Thị Hồng Đào	Trưởng phòng Vận hành kinh doanh	9.000	-	-	9.000
707	Nguyễn Thị Việt Trinh	Chuyên viên Sale Admin	3.000	-	-	3.000
708	Lư Văn Khôn	Chuyên viên	12.000	-	-	12.000
709	Nguyễn Thị Tiên	Chuyên viên mua hàng	4.000	-	-	4.000
710	Đoàn Thị Anh Vy	NHÂN VIÊN	4.000	-	-	4.000
711	Trần Trọng Nghĩa	Trưởng bộ môn	4.000	-	-	4.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
712	Đoàn Thị Anh Thư	Chuyên viên	6.000	-	-	6.000
713	Lưu Phạm Bình An	Chuyên viên kế toán	9.000	-	-	9.000
714	Thần Thị Mỹ Linh	Chuyên Viên Xuất Nhập Khẩu	8.000	-	-	8.000
715	Nguyễn Thị Lan	Chuyên viên sale admin	6.000	-	-	6.000
716	Đặng Ngọc Kim Linh	Chuyên viên Quản trị hành chính	4.000	-	-	4.000
717	Lưu Hồng Mơ	Nhân viên Lab Nuôi cấy mô	2.000	-	-	2.000
718	Trương Thị Thủy	PGĐ	13.000	-	-	13.000
719	Nguyễn Hoàng Phương	Trưởng bộ phận	15.000	-	-	15.000
720	Nguyễn Thị Hoa	Quản đốc nhà máy	8.000	-	-	8.000
721	Hoa Thị Mỹ Hạnh	chuyên viên	6.000	-	-	6.000
722	Cao Thị Ngọc Quyên	Nhân viên sản xuất mìa một mắt mầm	4.000	-	-	4.000
723	Võ Thanh Vũ	Giám đốc Công ty	9.000	-	-	9.000
724	Vũ Quang Chiêu	Nhân viên Bảo vệ	5.000	-	-	5.000
725	Ngô Võ Thủy An	Nhân viên Tổng hợp	3.000	-	-	3.000
726	Nguyễn Thành Thân	Nhân viên Kỹ thuật	3.000	-	-	3.000
727	Trần Đức Huy	Nhân viên Canh tác	3.000	-	-	3.000
728	Nguyễn Thanh Lâm	Nhân viên Canh tác	2.000	-	-	2.000
729	Từ Thanh Tâm	Nhân viên Lái xe	5.000	-	-	5.000
730	Đỗ Văn Thu	Chuyên viên vận hành tưới tiêu	6.000	-	-	6.000
731	Nguyễn Hữu Minh Tiến	Trưởng BP canh tác	9.000	-	-	9.000
732	Giáp Thị Vang	Nhân viên đóng gói	4.000	-	-	4.000
733	Kiều Tri Nhân	Nhân viên sản xuất chế phẩm	6.000	-	-	6.000
734	Nguyễn Thị Huệ	Nhân viên Phục vụ - hầu cần	5.000	-	-	5.000
735	Đoàn Thị Thủy Kiều	Nhân viên phục vụ hầu cần	3.000	-	-	3.000
736	Phan Ngọc Thanh Tâm	Nhân viên Lái xe	4.000	-	-	4.000
737	Võ Thị Tường Duy	Trưởng phòng Quản trị Hành chính	9.000	-	-	9.000
738	Võ Văn Tiến	Chuyên viên Hành chính	6.000	-	-	6.000
739	Nguyễn Thị Kim Chung	Nhân viên tổng hợp	2.000	-	-	2.000
740	Lê Đức Toàn	Nhân viên chăm sóc cảnh quan	5.000	-	-	5.000
741	Dương Minh Cảnh	Nhân viên chăm sóc cảnh quan kiểm tạp vụ	3.000	-	-	3.000
742	Nguyễn Thị Ngọc Phương	Nhân viên sản xuất thiên dịch	6.000	-	-	6.000
743	Trần Thị Bích Vân	Nhân viên sản xuất OMD	4.000	-	-	4.000
744	Nguyễn Minh Tín	Phó Tổng Giám đốc	42.000	200.000	-	242.000
745	Nguyễn Hoài Nhân	Trưởng trạm khuyến nông	9.000	-	-	9.000
746	Hứa Thành Sơn	Trưởng trạm Khuyến Nông	12.000	-	-	12.000
747	Võ Thanh Hải	Trưởng trạm	20.000	-	-	20.000
748	Phan Công Tý	Cán bộ khuyến nông	6.000	-	-	6.000
749	Lê Hoàng Lợi	Nhân Viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
750	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	Phó Vùng nguyên liệu TTCS	40.000	-	-	40.000
751	Sơn Thanh Hải	Nhân viên Khuyến Nông	6.000	-	-	6.000
752	Nguyễn Thanh Bình	Nhân viên Khuyến Nông	6.000	-	-	6.000
753	Ngô Khắc Phú	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
754	Nguyễn Hoàng Lệ	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
755	Đặng Nguyễn Trung Quân	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
756	Thái Bá Hòa	Giám đốc nguyên liệu vùng Tây Ninh	36.000	-	-	36.000
757	Vương Phi Hậu	Trưởng trạm Khuyến nông	6.000	-	-	6.000
758	Trần Ngọc Thanh Tú	Chuyên viên Admin	10.000	-	-	10.000
759	Bùi Việt Tuấn	Trưởng trạm	9.000	-	-	9.000
760	Nguyễn Trọng Hiếu	Trưởng vùng nguyên liệu	27.000	-	-	27.000
761	Phạm Công Nghiệp	Phó vùng nguyên liệu	12.000	-	-	12.000
762	Nguyễn Minh Sang	Trưởng trạm nông vụ	12.000	-	-	12.000
763	Trình Thị Thu Vân	Nhân viên đầu tư – thu mua	6.000	-	-	6.000
764	Hồ Hải Đăng	Chuyên viên Kế hoạch	5.000	-	-	5.000
765	Nguyễn Hồng Sơn	Chuyên viên	4.000	-	-	4.000
766	Phan Hiếu Dương	Chuyên viên cấp trung	15.000	-	-	15.000
767	Lê Hà Diễm	Chuyên viên đầu tư thu mua	6.000	-	100.000	106.000
768	Nguyễn Tấn Thành	Nhân viên Khuyến Nông	10.000	-	-	10.000
769	Trần Thiên Tín	Nhân viên Khuyến Nông	6.000	-	-	6.000
770	Nguyễn Minh Hiếu	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
771	Trương Bá Hiền Nhân	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
772	Nguyễn Thành Hậu	Nhân viên Khuyến Nông	4.000	-	-	4.000
773	Nguyễn Thành Phương	Nhân viên Khuyến Nông	5.000	-	-	5.000
774	Võ Thúy Anh	Thành viên độc lập HĐQT	-	105.800	-	105.800
775	Lê Ngọc Thông	Thành viên HĐQT	-	105.800	-	105.800
776	Đoàn Thị Yến Nhi	Tổng Giám đốc	-	305.800	-	305.800
777	Trần Đình Anh Văn	Giám đốc Cung Ứng	45.000	-	-	45.000
778	Nguyễn Kim Ngân	Brand Manager	40.000	-	-	40.000
779	Lê Văn Tài	Trưởng bộ phận phân tích dữ liệu kinh doanh	35.000	-	-	35.000
780	Nguyễn Hoàng Vũ	Trưởng phòng Kho vận	13.000	-	-	13.000
781	Trương Quang Tôn	Phó Phòng Kinh doanh phụ trách SME - HCM	21.000	-	-	21.000
782	Lê Duy Vũ	Chuyên viên kinh doanh	12.000	-	-	12.000
783	Huỳnh Thị Ngọc Huyền	Chuyên viên cấp trung	14.000	200.000	200.000	414.000
784	Võ Thị Tuyết Oanh	Chuyên viên Pháp chế	50.000	200.000	200.000	450.000
785	Bùi Đức Duy Phương	Chuyên Viên Kinh Doanh	6.000	-	-	6.000
786	Phạm Hải Hòa	Chuyên Viên Kinh Doanh SME	15.000	-	-	15.000
787	Nguyễn Thanh Phương	Trưởng bộ phận kinh doanh SME	15.000	-	-	15.000
788	Nguyễn Văn Bé	Chuyên viên kinh doanh SME	12.000	-	-	12.000
789	Nguyễn Khắc Đạt	Trưởng bộ phận vận hành và phát triển khách hàng	15.000	-	-	15.000
790	Hà Thị Hạnh Mai	Nhân viên Sale Admin	8.000	-	-	8.000
791	Phạm Thị Thu Vân	Phó phòng	15.000	-	-	15.000
792	Lê Văn Thật	Chuyên viên kinh doanh SME	12.000	-	-	12.000
793	Đỗ Thanh Tùng	Chuyên viên giải quyết khiếu nại & hỗ trợ technical sale	35.000	-	-	35.000
794	Dương Thị Tô Châu	Giám Đốc Khối KD B2B	81.000	200.000	-	281.000
795	Nguyễn Phạm An	Chuyên viên Kinh Doanh SME	12.000	-	-	12.000
796	Lưu Minh Đức	Quản lý bán hàng kênh GT	18.000	-	-	18.000
797	Bùi Thủy Ngân	PHÓ GIÁM ĐỐC DỊCH VỤ KHÁCH HÀNG	36.000	200.000	-	236.000
798	Lê Văn Tiến	Giám đốc kinh doanh SME & Trade	38.000	200.000	-	238.000
799	Trương Văn Toại	Giám đốc chi nhánh	13.000	-	-	13.000
800	Nguyễn Diệp Như Hà	Chuyên Viên KD	30.000	-	-	30.000
801	Phạm Thị Thùy Trang	Chuyên viên	6.000	-	-	6.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
802	Tăng Kim Táy	Giám đốc chi nhánh	13.000	-	-	13.000
803	Trần Thanh Xuân	Trưởng bộ phận Kinh doanh MNC	25.000	-	-	25.000
804	Trần Quốc Đăng Khoa	Chuyên viên vận hành hệ thống DMS	9.000	-	-	9.000
805	Nguyễn Hải Yến	Quản lý kinh doanh kênh MT	12.000	-	-	12.000
806	Lê Hồng Bảo Châu	Giám Đốc Marketing	62.000	-	-	62.000
807	Hà Kim Thủy	Nhân viên	6.000	-	-	6.000
808	Phạm Tuyết Minh	CHUYÊN VIÊN MUA HÀNG	10.000	-	-	10.000
809	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chuyên viên Kinh doanh	25.000	-	-	25.000
810	Lê Thị An	Quản Lý Vận Hành Kênh MT	12.000	-	-	12.000
811	Lê Thị Thương	Trưởng nhóm Ecom	20.000	-	-	20.000
812	Phạm Thị Bích Trinh	Giám Sát Bán Hàng	6.000	-	-	6.000
813	Nguyễn Thị Mỹ Nga	Tổ trưởng Quản lý chi phí	6.000	-	-	6.000
814	Trần Văn Tùng	Trưởng Phòng Kinh Doanh Kênh GT	42.000	-	-	42.000
815	Vũ Văn Tuấn	Thủ kho	6.000	-	-	6.000
816	Lê Thị Thu Hương	Chuyên viên Điều phối và Xử lý Đơn hàng	6.000	-	-	6.000
817	Đào Hồng Thảo	thủ kho	6.000	-	-	6.000
818	Lý Thị Mỹ Linh	Quản Lý Kinh Doanh Kênh MT	12.000	-	-	12.000
819	Đỗ Xuân Thành	Trưởng bộ phận kho Thành Phẩm	9.000	-	-	9.000
820	Phạm Thành Bảo Khánh	Chuyên viên kinh doanh	6.000	-	-	6.000
821	Nguyễn Thị Hằng	Chuyên viên hỗ trợ và điều phối kinh doanh	4.000	-	-	4.000
822	Dương Nguyễn Hồng Hạnh	Quản lý bán hàng kênh siêu thị.	18.000	-	-	18.000
823	Nguyễn Thị Thụy Vân.	Nhân viên sale admin	8.000	-	-	8.000
824	Đinh Tiến Huỳnh	Chuyên viên kinh doanh	6.000	-	-	6.000
825	Phạm Thị Mỹ Hương	Tổ trưởng nhóm chứng từ	6.000	-	-	6.000
826	Mạc Văn Vương	Giám đốc chi nhánh miền bắc	21.000	-	-	21.000
827	Trần Việt Nga	Giám Sát Vận Hành kênh MT	9.000	-	-	9.000
828	Vũ Trung Kiên	Giám Sát Vận Hành kênh MT	6.000	-	-	6.000
829	Nguyễn Văn Thắng	Quản lý bán hàng kênh GT	12.000	-	-	12.000
830	Nhữ Thị Thanh Lan	Quản lý bán hàng kênh MT	12.000	-	-	12.000
831	Lê Quang Vinh	Chuyên viên kinh doanh	9.000	-	-	9.000
832	Lê Đoàn Thủy Linh	Chuyên viên đào tạo năng lực kinh doanh	11.000	-	-	11.000
833	Phan Thị Kim Chi	Chuyên viên	12.000	-	-	12.000
834	Võ Thị Hồng Sen	Trưởng Phòng	36.000	-	-	36.000
835	Nguyễn Phạm Như An	Chuyên viên	9.000	-	-	9.000
836	Nguyễn Đức Hạnh	Chuyên viên kinh doanh	6.000	-	-	6.000
837	Lương Thị Phương Đông	Trợ lý hoạch định ngành hàng	15.000	-	-	15.000
838	Nguyễn Thị Bích Tùng	Trưởng Phòng	50.000	200.000	-	250.000
839	Bùi Thị Cẩm Thủy	TP. DVKH B2B	30.000	200.000	-	230.000
840	Phan Thị Huyền Trang	Chuyên viên Hành chính Kinh doanh	9.000	-	-	9.000
841	Nông Thị Linh	Chuyên viên Hành chính Kinh doanh	6.000	-	-	6.000
842	Phạm Nguyễn Đăng Khoa	Trưởng nhóm Vận hành Hệ thống DMS	20.000	-	-	20.000
843	Tạ Minh Mẫn	Nhân viên	9.000	-	-	9.000
844	Nguyễn Thị Lưu Phương	Chuyên viên vận hành và phát triển khách hàng	5.000	-	-	5.000
845	Trần Văn Lộc	Trưởng phòng Nguồn vốn	45.000	200.000	200.000	445.000
846	Phan Quang Vinh	Thanh tra tuần thủ	11.000	-	-	11.000
847	Phạm Thị Thắm	Chuyên viên điều phối và xử lý đơn hàng	6.000	-	-	6.000
848	Trần Thị Kim Thoa	Trưởng Nhóm Hành Chính Kinh Doanh	15.000	-	-	15.000
849	Trần Uyên Vy	Trưởng phòng	45.000	-	-	45.000
850	Lê Thụy Nhã Uyên	Giám đốc	37.000	200.000	200.000	437.000
851	Dương Phi Hồ	Trưởng phòng	22.000	-	-	22.000
852	Nguyễn Đức Nguyên	Brand Manager	12.000	-	-	12.000
853	Đặng Thái Bảo	Giám sát bán hàng kênh MT	4.000	-	-	4.000
854	Thái Thị Suong	Giám sát bán hàng	9.000	-	-	9.000
855	Lê Thanh Tuấn	Chuyên viên kiểm toán thị trường	6.700	-	-	6.700
856	Nguyễn Tấn Tài	Quản lý vận hành kênh MT	12.000	-	-	12.000
857	Trịnh Kim Oanh	Chuyên viên Điều phối và Xử lý Đơn hàng	9.000	-	-	9.000
858	Nguyễn Thị Thủy Diễm	Chuyên viên Điều Phối và Xử Lý Đơn Hàng	10.000	-	-	10.000
859	Trần Thị Bích Vân	chuyên viên	15.000	-	-	15.000
860	Võ Quang Minh	Trưởng phòng	24.000	-	-	24.000
861	Nguyễn Cao Đạt	Kế toán trưởng	27.000	-	-	27.000
862	Nguyễn Thị Hằng Nga	Chuyên viên	12.000	-	-	12.000
863	Nguyễn Thủy Nhàng	nhân viên	6.000	-	-	6.000
864	Nguyễn Thị Thủy Trang	giám sát vận hành kênh MT	6.000	-	-	6.000
865	Nguyễn Thị Hoàng Khuyên	Trưởng phòng	70.000	200.000	-	270.000
866	Nguyễn Bình Ninh	Phó Tổng giám đốc thường trực	60.000	200.000	200.000	460.000
867	Thái Thị Ánh Tuyết	Giám đốc Nhân sự	69.000	200.000	200.000	469.000
868	Nguyễn Thủy Liễu	Giám đốc Hỗ trợ	50.000	500.000	-	550.000
869	Nguyễn Vũ Hoàng An	Giám đốc Quản lý hệ thống	60.000	200.000	200.000	460.000
870	Lê Kim Hoàng Thảo	Trợ lý, Thư ký Ban lãnh đạo	30.000	100.000	100.000	230.000
871	Hoàng Trọng Nhật Quang	Quản lý kinh doanh kênh GT	11.000	-	-	11.000
872	Hồ Sỹ Nguyễn	Quản lý kinh doanh kênh GT	11.000	-	-	11.000
873	Phan Thị Khánh Ly	Chuyên viên nhân sự	12.000	-	100.000	112.000
874	Hồ Thành Tâm	Chuyên viên Quản lý rủi ro và tuần thủ	15.000	-	-	15.000
875	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Chuyên viên Nguồn vốn	15.000	-	100.000	115.000
876	Huỳnh Thanh Khuê	Chuyên viên hành chính quản trị	12.000	-	100.000	112.000
877	Đinh Trần Thụy Bảo Uyên	Chuyên Viên hành chính	6.000	-	-	6.000
878	Nguyễn Thị Hồng Phước	Giám đốc công ty	18.000	500.000	-	518.000
879	Lê Phát Tín	Phó Tổng Giám đốc thường trực	-	200.000	-	200.000
880	Trương Quang Quốc Đại	Phó Tổng Giám đốc AgriC	-	200.000	-	200.000
881	Nguyễn Ngọc Thu Di	Trưởng phòng Đào tạo và phát triển tổ chức	-	200.000	-	200.000
882	Dương Đức Tâm	Trưởng phòng đầu tư	-	200.000	-	200.000
883	Nguyễn Thị Phương Ngọc	Chuyên viên cấp trung	-	200.000	-	200.000
884	Khổng Trọng Huy	Trưởng bộ phận Công nghệ và Sáng tạo	-	100.000	-	100.000
885	Lê Tịnh Tiến	Trưởng bộ phận nghiệp vụ ngân hàng	-	100.000	-	100.000
886	Phan Lê Diệu Thông	Trưởng BP kế toán tổng hợp	-	100.000	-	100.000
887	Phạm Nhật Linh	Chuyên viên Nghiệp vụ Ngân hàng	-	100.000	-	100.000
888	Nguyễn Thị Hạnh Duyên	Chuyên viên Kế toán	-	100.000	-	100.000
889	Trần Đình Bá Hữu	Chuyên viên Kế toán	-	100.000	-	100.000
890	Đào Bảo Trân	Chuyên viên Nghiệp vụ Ngân hàng	-	100.000	-	100.000

STT	Họ và Tên CBNV	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Chương trình 1 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu Chương trình 2 (Cổ phiếu)	Số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết được phân bổ thêm (Cổ phiếu)	Tổng cộng (Cổ phiếu)
		TỔNG CỘNG	12.837.300	21.244.251	6.486.000	40.567.551

Tây Ninh, ngày 27 tháng 10 năm 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA
T.M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Dương Huỳnh Vũ My

